

TỜ TRÌNH
Về kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp Thành phố năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008, Luật Viên chức ngày 15/11/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019, và các văn bản Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 – 2026; Quyết định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố thông qua Đề án phân cấp quản lý nhà nước, ủy quyền trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về Kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2023.

UBND Thành phố báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2022; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố về việc điều chỉnh tổng biên chế viên chức thành phố Hà Nội năm 2022, giao bổ sung viên chức giáo viên năm học 2022-2023 và Kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2023 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 32/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2021 VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 24/NQ-HĐND NGÀY 12/9/2022 CỦA HĐND THÀNH PHỐ

1. Về tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp

- Ngay sau khi Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND Thành phố được ban hành, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 5199/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 của thành phố Hà Nội, trong đó giao chỉ tiêu biên chế cho các cơ quan, đơn vị theo đúng số biên chế HĐND Thành phố giao.

- Trong năm 2022, UBND Thành phố đã báo cáo Thường trực HĐND giao bổ sung biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước cho 03 đơn vị từ nguồn dự phòng, cụ thể:

02

(1) Bổ sung 24 chỉ tiêu biên chế viên chức để thành lập Ban Quản lý đồ án quy hoạch xây dựng thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc do yêu cầu nhiệm vụ đặc thù;

(2) Bổ sung 26 biên chế viên chức cho Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường vì Trường chưa thực hiện được lộ trình tự chủ chi thường xuyên năm 2022 do đang trong quá trình triển khai sáp nhập vào Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao (đã báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền, dự kiến hoàn thành trong quý IV/2022);

(3) Bổ sung 31 biên chế viên chức cho Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường do Trung tâm chưa đảm bảo lộ trình tự chủ chi thường xuyên theo kế hoạch 44/KH-UBND ngày 19/02/2019 về thực hiện nâng mức tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2021 do vướng cơ chế tài chính vì Trung tâm Phát triển quỹ đất chủ yếu thực hiện nhiệm vụ tổ chức đấu giá, công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án, tuy nhiên kinh phí thu từ đấu giá nộp ngân sách nhà nước 100%, kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư (kinh phí 2%) không có nội dung chi trả lương theo quy định tại Thông tư số 74/2015/TT-BTC nên hạn chế về nguồn thu để thực hiện nâng mức tự chủ của Trung tâm. Hiện nay, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 (có hiệu lực kể từ ngày 20/11/2022) thay thế Thông tư số 74/2015/TT-BTC, trong đó quy định đơn vị được trích lại kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư là cơ sở tăng nguồn thu để thực hiện kế hoạch tự chủ chi thường xuyên của Trung tâm đến năm 2025.

- Thực hiện giao bổ sung 2.361 biên chế viên chức giáo dục năm học 2022-2023 (trong đó 600 viên chức giáo viên Tiểu học, 1.309 viên chức giáo viên Trung học cơ sở, 452 viên chức giáo viên Trung học phổ thông) theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố về việc điều chỉnh tổng biên chế viên chức thành phố Hà Nội năm 2022 và giao bổ sung viên chức giáo viên năm học 2022-2023¹.

- Việc giao chỉ tiêu biên chế được thực hiện kịp thời để các cơ quan, đơn vị chủ động tuyển dụng, bố trí đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Để đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu tinh giản biên chế công chức (giảm 5%), viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (giảm 10%) giai đoạn 2022-2026, UBND Thành phố đã ban hành văn bản số 2786/UBND-SNV ngày 25/8/2022 về việc quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2022-2026, trong đó yêu cầu Thủ trưởng sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã thực hiện nghiêm việc tinh giản biên chế hành chính, sự nghiệp của cơ quan, đơn vị và chịu trách nhiệm trước Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố trong trường hợp không hoàn thành chỉ tiêu thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

2. Về công tác tuyên truyền thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và các Văn bản triển khai thực hiện

UBND Thành phố đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền các nội dung thực hiện theo Nghị quyết của Trung ương ngay tại Hội nghị giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội tháng 12/2021. Đồng thời, trong năm tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai công tác tuyên truyền thông qua các phương tiện, thông tin đại chúng, Công

¹ Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND Thành phố về việc giao bổ sung viên chức giáo viên năm học 2022-2023.

Giao tiếp điện tử của UBND Thành phố, Website của Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị trong quá trình rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy.

Đặc biệt, trong năm 2022, thực hiện chỉ đạo của Ban Kinh tế Trung ương về sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về "tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập", các cơ quan, đơn vị thuộc UBND Thành phố đã tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các Nghị quyết nêu trên, qua đó có nhận thức đúng về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương.

Thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Công điện số 209/CĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 14/4/2022 của Thành ủy thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND Thành phố có văn bản số 1546/UBND-SNV ngày 23/5/2022 chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã tăng cường quán triệt, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất ý chí và hành động trong tập thể lãnh đạo, cán bộ chủ chốt, công chức, viên chức và người lao động, nhất là người đứng đầu đơn vị về tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

3. Về thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội

3.1. Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy

Đến ngày 01/7/2021, các quận và thị xã Sơn Tây đã hoàn thành công tác sắp xếp tổ chức bộ máy tại 175 UBND phường:

- Bổ nhiệm 173 Chủ tịch UBND phường (trong đó có 8 phường bố trí mô hình Bí thư Đảng ủy phường đồng thời là Chủ tịch UBND phường), 335 Phó Chủ tịch UBND phường, chuyển 1.944 công chức phường sang công chức thuộc biên chế UBND quận, thị xã quản lý.

- Bố trí sắp xếp các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND phường do không tổ chức HĐND phường: Tổng số Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND phường là 288 người, trong đó: đang kiêm nhiệm hoặc được chuyển sang giữ các chức danh cán bộ khác ở phường là 227 người; được tiếp nhận vào công chức không qua thi là 32 người; nghỉ công tác do dôi dư 24 người (gồm 12 Chủ tịch HĐND phường, 12 Phó Chủ tịch HĐND phường); nghỉ hưu 5 người.

Sở Nội vụ đã tham mưu UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021, quy định chế độ hỗ trợ đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và công chức phường nghỉ công tác do thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội với mức hỗ trợ 03 tháng lương hiện hưởng/người.

Việc sắp xếp tổ chức bộ máy và công tác cán bộ tại UBND các phường đã cơ bản phù hợp với năng lực chuyên môn của công chức.

Cán bộ chuyên trách khỏi Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường vẫn được giữ ổn định theo quy định.

Để nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 về việc tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức phường đáp ứng tiêu chuẩn ngạch công chức và yêu cầu vị trí việc làm; Quyết định số 3889/QĐ-UBND ngày 09/8/2021, phê duyệt chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý theo mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội đối với công chức lãnh đạo quản lý và công chức khác thuộc UBND phường. Đến nay, Thành phố đã tổ chức được 27 lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đối tượng là Chủ tịch, Phó Chủ tịch và công chức UBND phường, trong đó có 11 lớp chuyên đề bồi dưỡng riêng các chức danh Văn phòng - Thống kê, Địa chính - Xây dựng, Văn hóa - Xã hội và Tư pháp - Hộ tịch cho 644 công chức UBND phường. Qua đó, năng lực chuyên môn, thái độ ứng xử, tinh thần trách nhiệm phục vụ tổ chức và công dân của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3.2. Biên chế công chức của UBND các phường

Khi chưa thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị, biên chế Chủ tịch UBND phường, Phó Chủ tịch UBND phường và các chức danh công chức phường là biên chế cán bộ, công chức cấp xã, được quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, biên chế các chức danh Chủ tịch UBND phường, Phó Chủ tịch UBND phường và các chức danh công chức phường của 175 phường thuộc thành phố Hà Nội là 2.750 người.

Khi thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị, theo quy định tại Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội và Nghị định số 32/2021/NĐ-CP của Chính phủ, chức danh Chủ tịch UBND phường, Phó Chủ tịch UBND phường và các chức danh công chức phường được xác định thuộc biên chế cấp quận, không còn thuộc biên chế giao cán bộ, công chức cấp xã.

Để thực hiện được việc giao biên chế công chức đối với các phường đảm bảo quy định, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND Thành phố xây dựng Đề án số 156/ĐA-UBND ngày 28/6/2021 báo cáo Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ, đề nghị điều chỉnh, bổ sung **2.625 biên chế** công chức (*từ biên chế cán bộ, công chức cấp xã*) để chuyển công chức phường tại 175 phường thành biên chế công chức thuộc UBND quận.

Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 1007/QĐ-BNV ngày 29/09/2021 về giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của thành phố Hà Nội năm 2022, trong đó biên chế công chức để chuyển công chức phường tại 175 phường không tổ chức HĐND thành công chức cấp Quận là **2.625 biên chế**. Như vậy, khi thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị, biên chế giao đối với các chức danh Chủ tịch UBND phường, Phó Chủ tịch UBND phường và các chức danh công chức khác ở phường **giảm 125 biên chế** so với khi chưa thực hiện thí điểm.

Thành phố đã giao biên chế 2.625 công chức phường tại 175 phường thuộc các quận và thị xã (bình quân 15 công chức/phường). Trên cơ sở biên chế được Thành phố giao, các đơn vị đã bố trí, quản lý, sử dụng, và phân bổ cho UBND phường trực thuộc đảm bảo quy định và phù hợp yêu cầu tình hình thực tế của đơn vị.

Trong khi chờ Bộ Nội vụ và các Bộ có liên quan hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành và cơ cấu ngạch công chức; Để có cơ sở và kịp thời tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm, chuyển, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng công chức, đáp ứng nhu cầu quản lý và sử dụng công chức, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 phê duyệt tạm thời vị trí việc làm đối với công chức UBND phường thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị trên địa bàn Thành phố.

Tính đến thời điểm báo cáo, số lượng công chức phường có mặt là **2.339 người**, trong đó có 175 Chủ tịch phường, 341 Phó chủ tịch phường, 171 công chức Chỉ huy trưởng Quân sự, 418 công chức Văn phòng - Thống kê, 252 công chức Tài chính - Kế toán, 339 công chức Tư pháp - Hộ tịch, 285 công chức Văn hóa - Xã hội, 358 công chức Địa chính - Xây dựng. Số lượng công chức phường còn thiếu so với biên chế giao là 286 người, trong đó thiếu 9 Phó Chủ tịch phường, 04 công chức Chỉ huy trưởng quân sự và 273 công chức các chức danh khác.

Đối với số lượng Chủ tịch phường, Phó Chủ tịch phường còn thiếu, các quận và thị xã Sơn Tây đã có phương án sắp xếp, bổ nhiệm nhân sự. Đối với số lượng công chức các chức danh Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán, Tư pháp - Hộ tịch, Văn hóa - Xã hội, Địa chính - Xây dựng, theo quy định tại Nghị quyết số 97/2019/NQ-QH14 và Nghị định số 32/2021/NĐ-CP, Sở Nội vụ đã hướng dẫn UBND các quận và thị xã Sơn Tây rà soát, triển khai công tác tuyển dụng đảm bảo đủ số lượng theo biên chế được giao.

3.3. Kết quả hoạt động của UBND phường trong thời gian thí điểm

Qua hơn 01 năm thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, việc không tổ chức HĐND phường, UBND phường là chính quyền địa phương ở phường, là cơ quan hành chính thuộc UBND quận, cho thấy:

- Bộ máy chính quyền thành phố trong khu vực các quận đã gọn nhẹ hơn, hoạt động nhanh nhạy, thông suốt hơn; cơ quan hành chính phường đã tích cực, chủ động điều hành, quyết định nhanh những vấn đề cấp bách tại địa bàn trên cơ sở xác định rõ trách nhiệm, rõ người, rõ việc, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy hành chính nhà nước nhưng vẫn bảo đảm quyền đại diện và quyền làm chủ của nhân dân, phục vụ nhân dân được tốt hơn. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng tại phường, vai trò trách nhiệm và mối quan hệ của Ủy ban MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội tại phường với UBND phường được đảm bảo.

- Đặc biệt, trong giai đoạn giãn cách xã hội để phòng, chống dịch Covid-19 vừa qua, với nhiều nhiệm vụ phòng, chống dịch mang tính chất đột xuất, yêu cầu giải quyết ngay, với nguyên tắc làm việc theo chế độ thủ trưởng theo mô hình mới, Chủ tịch UBND phường đã phát huy tốt vai trò là người đứng đầu, lãnh đạo, chịu trách nhiệm quản lý toàn diện mọi hoạt động của UBND phường, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cấp bách tại cơ sở dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy phường. Công tác phối hợp giữa chính quyền phường với các cơ quan, đơn vị được đảm bảo và có hiệu quả cao. Qua năm bất bình hình chung, hầu hết các phường phân công cán bộ rõ ràng, bố trí thời gian làm việc hợp lý, cán bộ, công chức phường yên tâm công tác. Việc thực hiện cơ chế Chủ tịch UBND quận, thị xã trực tiếp bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường đã đảm bảo sự linh hoạt của cấp ủy Đảng và UBND quận, thị xã trong việc lựa chọn, bố trí công chức lãnh đạo tại UBND phường, không nhất thiết phải là người ở địa phương.

4. Về công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và các giải pháp nâng cao tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

4.1. Về sắp xếp tổ chức bộ máy

Thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, 108/2020/NĐ-CP và 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố, UBND Thành phố đã ban hành các Văn bản Văn bản báo cáo Ban Chỉ đạo Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế Thành phố và Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định theo nguyên tắc sau:

(1) Điều chỉnh, bổ sung kịp thời chức năng, nhiệm vụ cho các Sở đã được quy định tại Luật, Nghị định và Thông tư hướng dẫn của Bộ chuyên ngành và thực tiễn triển khai, đảm bảo đúng quy định và không bỏ sót nhiệm vụ quản lý nhà nước. Đối với những nhiệm vụ trùng chéo, giao thoa thì phân định rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và ban hành Quy chế, quy trình cụ thể, đảm bảo rõ đầu mối, rõ trách nhiệm đối với từng nhiệm vụ cụ thể. Việc chuyển chức năng, nhiệm vụ đồng thời với chuyển biên chế để có người làm việc, đáp ứng ngay yêu cầu nhiệm vụ.

(2) Những đơn vị đã có Thông tư hướng dẫn mới thì UBND Thành phố ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức thay thế Quyết định cũ; những đơn vị chưa có Thông tư hướng dẫn thì UBND Thành phố ban hành Quyết định điều chỉnh, bổ sung.

(3) Rà soát đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị sau sắp xếp để có phương án điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đảm bảo nguyên tắc không trùng chéo chức năng, nhiệm vụ, một việc một đầu mối xuyên suốt.

(4) Xác định cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn thuộc Sở trên cơ sở rà soát chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo các tiêu chí về biên chế tối thiểu, số lượng cấp phó tối đa theo quy định. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng sau sắp xếp đảm bảo không trùng chéo; số lượng tên phòng/chi cục đảm bảo bao quát nhiệm vụ quản lý nhà nước, không bỏ sót, không vượt quá số phòng quy định tại Thông tư liên tịch của Bộ Nội vụ và Bộ chuyên ngành (còn hiệu lực).

(5) Sau khi có quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của đơn vị, Thủ trưởng các Sở xây dựng Quy chế làm việc, quy trình giải quyết công việc và xây dựng quy chế phối hợp với các nhiệm vụ giao thoa.

Căn cứ nguyên tắc trên, Ban cán sự đảng UBND Thành phố đã trình Ban Thường vụ Thành ủy thống nhất chủ trương và ban hành các Thông báo về nội dung sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố: số 469-TB/TU ngày 19/8/2021², số 631-TB/TU ngày 06/01/2022³ và số 860-TB/TU ngày 24/8/2022⁴.

Để thống nhất trong triển khai thực hiện, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 27/8/2021⁵; Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày

² Thông báo số 469-TB/TU ngày 19/8/2021 về việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố và đề án vị trí việc làm các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố.

³ Thông báo số 631-TB/TU ngày 06/01/2022 về việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố theo Thông báo số 469-TB/TU ngày 19/8/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy

⁴ Thông báo số 860-TB/TU ngày 24/8/2022 về một số nội dung về tổ chức bộ máy và giải pháp tinh giản biên chế sự nghiệp giai đoạn 2022-2026

⁵ Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND Thành phố về phê duyệt Phương án sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố

11/02/2022⁶ phê duyệt phương án sắp xếp và giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện. Đến nay, các cơ quan, đơn vị cơ bản đã thực hiện xong việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định và đi vào hoạt động ổn định, kết quả cụ thể như sau:

a) Đối với khối hành chính:

Đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức cho 13 đơn vị⁷ do các Bộ chuyên ngành đã ban hành Thông tư hướng dẫn mới; Quyết định điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức đối với 07 đơn vị⁸ do các Bộ chuyên ngành mới hoặc chưa ban hành Thông tư hướng dẫn; 03 đơn vị còn lại gồm: Thanh tra Thành phố hiện chờ Luật Thanh tra sửa đổi, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố và Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất thực hiện theo quy định riêng.

Sau sắp xếp, Thành phố đã giảm 02 chi cục thuộc sở⁹; tăng 11 phòng chuyên môn thuộc sở, giảm 11 phòng thuộc chi cục thuộc sở.

b) Đối với khối sự nghiệp công lập:

- Đã tiến hành rà soát, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị sau:

(1) Sắp xếp các Ban Quản lý dự án chuyên ngành (giảm từ 06 xuống còn 04 Ban), đảm bảo quy định pháp luật hiện hành về mô hình hoạt động, cơ cấu tổ chức; tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả.

(2) Sắp xếp các trường cao đẳng, trung cấp (giảm từ 21 xuống còn 19 trường) để tăng cường cơ sở vật chất, mở rộng địa bàn tuyển sinh và nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo các trường được sắp xếp.

(3) Sắp xếp sáp nhập: 02 đơn vị thuộc Sở Thông tin và truyền thông; 05 đơn vị thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; 02 đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(4) Thí điểm thành lập 03 Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tại UBND các huyện: Mê Linh, Chương Mỹ, Thanh Trì trên cơ sở hợp nhất các Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Chăn nuôi và Thú y và Trạm Khuyến nông thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong thời gian 3 năm.

(5) Các đơn vị đã thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy bên trong các phòng chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo các tiêu chí theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Sau sắp xếp, Thành phố đã giảm 04 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố, giảm 06 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, giảm 05 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND quận, huyện, thị xã, giảm 01 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục thuộc sở; giảm 41 phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố; giảm 91 phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở.

4.2. Về tình hình biên chế

Trong năm 2022, UBND Thành phố giải quyết:

⁶ Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 11/02/2022 về rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố theo Thông báo số 631-TB/TU ngày 06/01/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy

⁷ Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải, Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ, Sở Tư pháp, Sở Y tế, Ban Dân tộc, Sở Công thương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

⁸ Văn phòng UBND Thành phố, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

⁹ Giảm Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT do sáp nhập vào Chi cục Phòng, chống thiên tai.

- Nghị tinh giản theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 gồm 06 đợt với 287 trường hợp (22 công chức; 239 viên chức; 15 cán bộ, công chức cấp xã; 01 người làm việc ở các Hội được giao biên chế; 10 LĐHD theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP);

- Nghị tinh giản theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 gồm 01 đợt với 04 trường hợp.

4.3. Các giải pháp nâng cao tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ tại Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026: Đến năm 2026, Thành phố còn 106.531 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách, giảm 9.516 biên chế hưởng lương ngân sách so với số được giao năm 2022 (116.047 biên chế).

Hiện nay, cơ cấu viên chức hưởng lương ngân sách chia theo lĩnh vực gồm: giáo dục đào tạo: 97.797 (chiếm 86%); giáo dục nghề nghiệp: 1.204 (chiếm 1,1%); y tế: 9.686 (chiếm 8,5%); lĩnh vực khác: 4.999 (chiếm 4,4%).

Do đó, để giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, cần tập trung nghiên cứu các giải pháp giảm số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục, đồng nghĩa với các giải pháp nâng mức tự chủ chi thường xuyên, tiến tới tự chủ chi thường xuyên đối với các cơ sở giáo dục - đào tạo công lập. Đây cũng là giải pháp quyết định việc hoàn thành chỉ tiêu tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026 của Thành phố.

Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố đã báo cáo Ban Chỉ đạo quản lý tổ chức bộ máy biên chế Thành phố và Ban Thường vụ Thành uỷ thống nhất các giải pháp đẩy mạnh tự chủ tài chính, cụ thể như sau:

(1) Đã ban hành Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 06/7/2022 về triển khai thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hà Nội sang tự chủ tài chính năm 2021 và giai đoạn 2022-2025. Trong đó, UBND Thành phố đã giao chỉ tiêu nâng mức tự chủ giai năm 2021 và giai đoạn 2022-2025 cho 362 đơn vị, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị chủ động trong công tác xây dựng và tuyên truyền, quán triệt tổ chức thực hiện Kế hoạch tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập chi tiết tại đơn vị theo từng năm, giải pháp cụ thể và phân công trách nhiệm đối với từng bộ phận chuyên môn đảm bảo thực hiện nâng mức tự chủ tài chính của đơn vị theo đúng hoặc vượt chỉ tiêu được giao tại Kế hoạch số 189/KH-UBND.

(2) Trình HĐND Thành phố ban hành học phí theo khung mới quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

(3) Nghiên cứu tăng cường phân cấp thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã để tạo quyền chủ động cho các đơn vị trong sử dụng hiệu quả tài sản công, tạo nguồn thu cho đơn vị, tiến tới nâng mức tự chủ.

(4) Nghiên cứu xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ giáo dục đào tạo, trên cơ sở đó nghiên cứu cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các cơ sở giáo dục đào tạo. UBND Thành phố đã thành lập Tổ công tác do đồng chí Hà Minh Hải, Phó Chủ tịch UBND Thành phố làm tổ trưởng và Giám đốc các sở: Tài chính, Giáo dục - Đào

tạo, Văn hóa & Thể thao, Lao động - Thương binh – Xã hội, Nội vụ và một số quận, huyện là thành viên.

(5) Xây dựng Quy hoạch mạng lưới giáo dục Thủ đô đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

(6) Thực hiện ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, áp dụng công nghệ trong giảng dạy để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong hoạt động giáo dục - đào tạo, góp phần sử dụng tiết kiệm biên chế viên chức.

5. Về điều chỉnh, phê duyệt đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ trên cơ sở danh mục khung vị trí việc làm được Bộ Chính trị thông qua và hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ quản lý chuyên ngành.

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó giao trách nhiệm các Bộ chuyên ngành ban hành Thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện. Đến nay, các Bộ, ngành chưa ban hành Thông tư hướng dẫn nên chưa có cơ sở triển khai thực hiện Nghị định.

Trong khi chờ hướng dẫn của các Bộ chuyên ngành, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 5266/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 cho phép các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt cho đến khi Bộ quản lý chuyên ngành và Bộ Nội vụ ban hành các Thông tư hướng dẫn. Đồng thời, rà soát tham mưu UBND Thành phố phê duyệt Đề án vị trí việc làm của một số đơn vị đáp ứng theo yêu cầu nhiệm vụ sau sắp xếp gồm: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội; Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; sửa đổi Quyết định số 3316/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm khối hành chính của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội...

6. Rà soát đánh giá số lượng, chất lượng nguồn nhân lực của các cơ quan, đơn vị để kịp thời bố trí, điều động luân chuyển công chức, viên chức và người lao động đảm bảo phù hợp chức năng, nhiệm vụ và Đề án vị trí việc làm được phê duyệt, đáp ứng yêu cầu công việc, đặc biệt là các đơn vị lĩnh vực giáo dục, y tế.

Năm 2022, cùng với việc rà soát kiện toàn tổ chức bộ máy, UBND Thành phố đã yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát đánh giá việc bố trí, sử dụng công chức, viên chức theo Đề án vị trí việc làm để có phương án điều động, luân chuyển cho phù hợp. Đồng thời với việc rà soát, điều chuyển vị trí theo Đề án vị trí việc làm, UBND Thành phố còn ban hành Văn bản số 328/UBND-SNV ngày 07/6/2022 yêu cầu các cơ quan, đơn vị xây dựng Kế hoạch hàng năm để thực hiện việc luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác theo quy định đối với các chức danh cán bộ được phân cấp quản lý theo quy định tại Quy định số 04-QĐ/TU ngày 11/8/2021, Quy định số 07-QĐ/TU ngày 17/11/2021 của Thành ủy Hà Nội và Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Năm 2022, các đơn vị thuộc Thành phố đã thực hiện điều động, luân chuyển đối với 2.622 công chức, viên chức, trong đó khối cơ quan hành chính là 280 trường

hợp; khối các đơn vị sự nghiệp là 2.342 trường hợp; sự nghiệp giáo dục là 1.419 trường hợp, sự nghiệp y tế: 751 trường hợp, sự nghiệp khác: 172 trường hợp.

7. Rà soát, nghiên cứu cơ chế, chính sách nâng mức thu nhập bình quân đối với công chức và người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị Thành phố.

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 Hội nghị Trung ương 7 khoá XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 01/11/2018 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 11/3/2019 về triển khai thực hiện và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị bám sát các nhiệm vụ được giao. Đối với việc xây dựng cơ chế, định mức khoán chi thường xuyên, thực hiện thí điểm chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản: Nội dung này đã được UBND Thành phố xây dựng, trình và được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội.

Ngày 03/10/2022, UBND Thành phố có Văn bản số 3256/UBND-SNV về việc khắc phục tình trạng cán bộ, công chức, viên chức nghỉ việc, thôi việc, trong đó tiếp tục giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, nghiên cứu, đề xuất ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách nâng mức thu nhập bình quân đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị Thành phố theo Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 01/11/2018 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII); xây dựng cơ chế, định mức khoán chi thường xuyên, thực hiện thí điểm chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị của Thành phố, báo cáo Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố để thực hiện theo thẩm quyền¹⁰.

8. Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ: chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng; đổi mới công tác tuyển dụng; nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động; thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ thường xuyên và đột xuất

8.1. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được tập trung từng bước đổi mới từ hình thức đến nội dung. Thành phố đưa chỉ tiêu, yêu cầu đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về văn hóa giao tiếp, ứng xử, kỹ năng giải quyết công việc, trong đó có ít nhất 30% số cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, dịch vụ công trực tuyến; 100% lãnh đạo của các Sở, cơ quan ngang Sở, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã; lãnh đạo các phòng chuyên môn của các Sở, ban, ngành Thành phố và UBND cấp huyện được quán triệt, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức đầy đủ về công tác CCHC của Thành phố, đặc biệt là việc cải thiện, nâng cao các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI. Trên cơ sở đó, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 phê

¹⁰ Các Nghị quyết: số 14/NQ-HĐND ngày 05/12/2018, Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 04/12/2019, số 29/NQ-HĐND ngày 09/12/2020, số 32/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

duyet Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030”.

Năm 2022, Thành phố đã tổ chức thực hiện 02 lớp bồi dưỡng xây dựng tầm nhìn, tư duy chiến lược phát triển Thủ đô xanh, thông minh, hiện đại, có sức cạnh tranh cao đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý cho hơn 60 học viên là Giám đốc Sở, cơ quan tương đương Sở và quy hoạch chức danh Giám đốc Sở và tương đương; Chủ tịch quận, huyện, thị xã và quy hoạch chức danh tương đương; Tổ chức tổ chức bồi dưỡng kiến thức kỹ năng cho Đại biểu HĐND cấp huyện với 1.043 học viên; 04 lớp bồi dưỡng cho đối tượng diện cán bộ Ban Thường vụ Thành ủy quản lý với 128 học viên; cử 23 công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tham gia lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp do Học viện Hành chính Quốc gia tổ chức; tổ chức các lớp tập huấn, hội nghị liên quan đến công tác CCHC với 300 học viên tham dự; Tổ chức 05/05 Hội nghị nhằm cung cấp thông tin về Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), kết quả Chỉ số PAPI những năm qua và trọng tâm công tác cải thiện, nâng cao Chỉ số PAPI năm 2022 và những năm tiếp theo của Thành phố tới đội ngũ cán bộ lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố.

8.2. Về công tác tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Thành phố đã phê duyệt và triển khai 205 chỉ tiêu tuyển dụng công chức sở, UBND cấp huyện; 36 chỉ tiêu thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ. UBND thành phố đã phê duyệt danh sách 1.284 người đủ điều kiện dự thi tuyển công chức năm 2022⁽¹¹⁾; 04 người đủ điều kiện dự xét tuyển công chức theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP. Hiện nay, Thành phố đã tổ chức xong kỳ thi tuyển công chức hành chính năm 2023.

- Thành phố đã tổ chức sát hạch tiếp nhận vào làm công chức theo trường hợp đặc biệt với kết quả trúng tuyển 102 người, trong đó công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện (tiếp nhận vào làm công chức) 9 người, cán bộ phường tiếp nhận vào làm công chức phường 3 người; công nhận kết quả khắc phục tồn tại trong tuyển dụng của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội với tổng số 1.123 người thuộc 59 cơ quan, đơn vị; tổ chức sát hạch khắc phục tồn tại trong tuyển dụng công chức với kết quả trúng tuyển: 144 người.

- Về công tác nâng ngạch công chức và thăng hạng viên chức và tổ chức thi điểm thi tuyển chức danh lãnh đạo cấp phòng

Thành phố đã ban hành và tổ chức thực hiện 03 Đề án: Đề án thi thăng hạng từ cán sự lên chuyên viên đối với viên chức hành chính làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thành phố Hà Nội năm 2021 với kết quả trúng tuyển 41 người; Đề án và tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III năm 2022 đối với viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn (93 trường hợp) và viên chức chuyên ngành địa chính (10 trường hợp) với kết quả trúng tuyển 73 viên chức chuyên ngành nông nghiệp phát triển nông thôn và 10 viên chức chuyên ngành địa chính; Đề án thăng hạng kế toán viên trung cấp lên kế toán viên với 509 người trúng tuyển. Thành phố đã chỉ đạo Sở Nội vụ hướng dẫn đơn vị báo cáo cơ cấu, số lượng, xác định nhu cầu và cử viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2022 đối với: chuyên ngành khoa học và công nghệ, chuyên ngành văn hóa cơ sở, chuyên ngành lưu trữ.

¹¹ Quyết định số 3443/QĐ-UBND ngày 22/9/2022.

- Bên cạnh đó các đơn vị thuộc Thành phố đã thực hiện tuyển dụng 249 viên chức trong đó: sự nghiệp giáo dục là 19 trường hợp, sự nghiệp khác là 230 trường hợp. Thực hiện tiếp nhận từ đơn vị khác (đơn vị thuộc Thành phố hoặc từ Bộ, ngành, tỉnh khác) 542 trường hợp, trong đó: Khối cơ quan hành chính là 54 trường hợp, Khối đơn vị sự nghiệp là 488 trường hợp: sự nghiệp giáo dục 371 trường hợp, sự nghiệp y tế 47 trường hợp, sự nghiệp khác 70 trường hợp.

8.3. Triển khai Đề án thí điểm thi tuyển chức danh trưởng phòng, chi cục trưởng, thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã và đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố

Trong năm 2022, Thành phố tổ chức thí điểm và triển khai thi tuyển một số chức danh lãnh đạo cấp phòng và tương đương; thi tuyển chức danh lãnh đạo tại một số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ¹²; đây là một trong những nội dung đột phá, nhiệm vụ trọng tâm cải cách công vụ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý, cụ thể.

Thực hiện Thông báo số 612-TB/TU ngày 29/12/2021 Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về Đề án thí điểm đổi mới thi tuyển chức danh trưởng phòng, chi cục trưởng, thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã và đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố Hà Nội, UBND Thành phố đã kịp thời ban hành 02 Quyết định để triển khai thực hiện: Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 về việc phê duyệt Đề án thí điểm thi tuyển chức danh trưởng phòng, chi cục trưởng, thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã và đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố; Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 phê duyệt danh sách 86 chức danh thí điểm thi tuyển tại 49 sở, ngành và UBND cấp huyện và giao các cơ quan, đơn vị có chức danh thí điểm thi tuyển chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc thí điểm thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý bảo đảm đúng quy định tại Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 219/QĐ-UBND. Đồng thời, UBND Thành phố cũng chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành Văn bản số 386/SNV-TCBC ngày 21/02/2022 để hướng dẫn triển khai cụ thể.

Tính đến nay, kết quả thi tuyển 78 chức danh lãnh đạo, quản lý như sau: có tổng cộng 182 ứng viên dự thi; 50 chức danh đã hoàn thành thi tuyển (trong đó, 1 chức danh không có người trúng tuyển; trong số 49 chức danh có người trúng tuyển, 18 chức danh là nguồn ngoài đơn vị); 7 chức danh đang thi; 21 chức danh chưa thi.

Qua năm bắt thực tế triển khai tại các đơn vị cho thấy: Việc thí điểm thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý đã tạo nhiều cơ hội cho cán bộ, công chức, viên chức phát triển, nâng cao tính cạnh tranh trong việc lựa chọn người có tài, đức vào vị trí lãnh đạo, quản lý; góp phần xóa bỏ tình trạng cục bộ, khép kín trong công tác cán bộ trước đây, tăng cường tính dân chủ trong bố trí, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ. Với hình thức thi tuyển, các ứng viên tham gia có cơ hội thể hiện khả năng phân tích, đánh giá nội dung về chuyên ngành, lĩnh vực dự tuyển và tư duy nhạy bén, linh hoạt trong xử lý vấn đề thông qua hình thức thi viết và thi trình bày đề án. Những thông tin quan trọng từ hai vòng thi

¹² Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 phê duyệt Đề án thí điểm thi tuyển chức danh Trưởng phòng, Chi cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã và đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố; Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 phê duyệt danh sách các chức danh thí điểm thi tuyển tại Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã và đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố năm 2022.

giúp cho hội đồng thi tuyển đánh giá, nhận xét khách quan, toàn diện về năng lực, kinh nghiệm và khả năng chuyên môn của các ứng viên để thảo luận, quyết định ứng viên ưu tú nhất vào vị trí lãnh đạo, quản lý cần tuyển chọn. Việc bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý thông qua hình thức tổ chức thi tuyển bước đầu đã tạo chuyển biến lớn về nhận thức trong công tác cán bộ, hình thành môi trường thi tuyển lãnh đạo theo nguyên tắc công khai, minh bạch và cạnh tranh lành mạnh, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chức lãnh đạo, quản lý.

Tuy nhiên, cũng còn một số tồn tại hạn chế như sau: (1) Còn có sự ngần ngại của cán bộ, công chức, viên chức trong việc đăng ký dự tuyển, chưa thu hút nhiều cán bộ, công chức, viên chức tham gia nên có một số vị trí, số hồ sơ đăng ký dự tuyển thấp khiến mức độ cạnh tranh chưa cao. (2) Chưa có quy chế thi tuyển chức danh lãnh đạo mà hiện phải vận dụng tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ nên quá trình tổ chức, thực hiện nhiều khi còn lúng túng, bất cập. (3) Việc tổ chức thi viết (vòng 1) khiến phần lớn cơ quan, đơn vị rất e ngại vì triển khai phức tạp, tốn kém kinh phí, thậm chí có nơi, có chỗ cho là hình thức. (4) Tổng thời gian tổ chức thi tuyển khá dài (tối thiểu gần 3 tháng) nên ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan tổ chức thi tuyển. (5) Tại một số đơn vị, công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ kế cận còn chưa được quan tâm đúng mức dẫn tới việc khi triển khai thi tuyển lại vướng nguyên tắc phải có số dư.

8.4. Về đánh giá công chức, viên chức

Thực hiện Quyết định số 1841-QĐ/TU ngày 28/10/2021 của Thành ủy Hà Nội về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại hằng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội; Quyết định số 3251-QĐ/TU ngày 16/8/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định đánh giá, xếp loại hằng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội theo Quyết định số 1841-QĐ/TU; Quyết định số 2021-QĐ/TU ngày 22/12/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Quy chế về việc quản lý, khai thác và sử dụng phần mềm đánh giá, xếp loại hằng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội; Quyết định số 3252-QĐ/TU ngày 16/8/2022 của Thành ủy về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về việc quản lý, khai thác và sử dụng phần mềm Đánh giá, xếp loại hằng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội theo Quyết định số 2021-QĐ/TU, UBND Thành phố ban hành Văn bản số 317/UBND-NC ngày 28/01/2022 về việc triển khai Quy định đánh giá, xếp loại hằng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng. Từ Quý II/2022, các cơ quan, đơn vị triển khai việc đánh giá, xếp loại hằng tháng trên phần mềm (<https://dgcbbccvc.hanoi.gov.vn>) đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Đến nay, việc đánh giá, chấm điểm, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng hằng tháng trên phần mềm của Thành ủy được nghiêm túc triển khai thực hiện theo đúng quy định của Thành ủy, từng bước đi vào nề nếp.

Đặc biệt, việc ứng dụng CNTT thông qua xây dựng phần mềm đánh giá và đưa vào sử dụng trong toàn hệ thống chính trị đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đánh giá hằng tháng, tiết kiệm thời gian, chi phí in ấn, lưu trữ hồ sơ, đặc biệt là công tác tổng hợp kết quả được kịp thời, chính xác.

8.5. Về tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động; thanh tra, kiểm tra công vụ

Thực hiện nội dung chủ đề công tác năm 2022 là năm “Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, phát triển”, UBND Thành phố đã ban hành các Kế hoạch và triển khai thực hiện: Kiểm tra công vụ⁽¹³⁾; Kiểm tra công tác CCHC⁽¹⁴⁾; Kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC⁽¹⁵⁾.

UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 về việc thành lập Đoàn Kiểm tra công vụ và tiến hành kiểm tra công vụ năm 2022; ban hành Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 14/01/2022 về việc tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội năm 2022. Theo đó, UBND Thành phố đã yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố tiếp tục chấn chỉnh, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, kỷ cương hành chính, tạo bước chuyển mạnh mẽ trong lề lối, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người lao động của Thành phố. Căn cứ văn bản chỉ đạo của UBND Thành phố, ngay trong tháng 01/2022, các sở, ban, ngành Thành phố, UBND quận, huyện, thị xã ban hành Kế hoạch và Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra công vụ của cơ quan, đơn vị mình.

- Về công tác kiểm tra lĩnh vực Nội vụ: trong năm 2022 tiến hành thanh tra UBND các huyện, thị xã thuộc Thành phố trong việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đối với công chức xã, thị trấn (05 chức danh: Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với thị trấn), Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội); tính đến thời điểm báo cáo đã và đang tiến hành thanh tra thị xã Sơn Tây và 07 huyện (Ba Vì, Mỹ Đức, Gia Lâm, Thanh Trì, Thanh Oai, Phú Xuyên, Hoài Đức).

- Về kiểm tra công vụ: Hoạt động kiểm tra công vụ trên địa bàn Thành phố tiếp tục được tăng cường, đi vào nề nếp, linh hoạt các hình thức, phương pháp kiểm tra trong điều kiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát có hiệu quả dịch Covid-19, qua đó thể hiện trách nhiệm của người đứng đầu trước yêu cầu CCHC và tăng cường kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả hành chính nhà nước các cấp, các ngành. Tính đến thời điểm báo cáo trong năm 2022, toàn Thành phố thực hiện 898 cuộc kiểm tra công vụ các loại, trong đó: Đoàn Kiểm tra công vụ Thành phố (Sở Nội vụ là cơ quan thường trực) thực hiện 21 cuộc kiểm tra (17 cuộc kiểm tra đột xuất đối với 16 đơn vị (07 Sở, 08 UBND phường, 01 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở)⁽¹⁶⁾ và 04 cuộc kiểm tra xác minh vụ việc chậm muộn giải quyết hồ sơ hành chính, thực hiện nhiệm vụ UBND Thành phố giao⁽¹⁷⁾); các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố thực hiện 881 cuộc (sở, ban, ngành thực hiện 280 cuộc, UBND quận,

¹³ Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 06/01/2022 và Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 26/01/2022.

¹⁴ Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 24/02/2022.

¹⁵ Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 10/3/2022.

¹⁶ (1) 07 Sở: Giao thông Vận tải, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư (02 cuộc), Văn hóa và Thể thao, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Quy hoạch - Kiến trúc; 04 UBND phường: Văn Miếu, Trung Phụng (quận Đống Đa), Vĩnh Tuy, Minh Khai (quận Hai Bà Trưng), Khương Đình, Hạ Đình, Khương Mai, Nhân Chính (quận Thanh Xuân); 01 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở (Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh huyện Hoài Đức).

¹⁷ Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm muộn giải quyết hồ sơ lĩnh vực đầu tư trong 03 tháng đầu năm 2022; Sở Tài nguyên và Môi trường chậm muộn giải quyết 02 hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Sở Quy hoạch - Kiến trúc chậm muộn thực hiện nhiệm vụ UBND Thành phố giao, chậm muộn giải quyết hồ sơ hành chính trong 03 tháng đầu năm 2022; Sở Xây dựng phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư giải quyết 04 hồ sơ lĩnh vực Đầu tư trong 03 tháng đầu năm 2022.

huyện, thị xã thực hiện 485 cuộc, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị hiệp quản thuộc Thành phố thực hiện 116 cuộc).

Qua kiểm tra và tổng hợp cho thấy, các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố đã nghiêm túc ban hành Kế hoạch và thành lập Đoàn kiểm tra công vụ; các cơ quan, đơn vị được kiểm tra về cơ bản thực hiện nghiêm túc quy định về phòng chống dịch Covid-19, giờ làm việc, quy tắc ứng xử, tiếp công dân, kiểm tra công vụ nội bộ, thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hành chính của công dân, tổ chức ngay trong ngày làm việc đầu tiên sau kỳ nghỉ tết; thực hiện việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng hàng tháng trên phần mềm của Thành ủy. Đoàn Kiểm tra công vụ đã kiến nghị UBND Thành phố trừ điểm đối với Giám đốc các sở (có chậm muộn giải quyết hồ sơ hành chính và thực hiện nhiệm vụ UBND Thành phố giao) trong đánh giá, chấm điểm, phân loại một số tháng gần đây; đồng thời đôn đốc các đơn vị khẩn trương giải quyết hồ sơ của người dân, doanh nghiệp theo quy định; gửi thư xin lỗi đối với trường hợp chậm muộn giải quyết.

9. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, chuẩn hóa quy trình giải quyết công việc; nâng cao dịch vụ công mức độ 3 và 4 để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

UBND Thành phố chỉ đạo quyết liệt nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), kết quả cụ thể một số nội dung như sau:

9.1. Về công tác thể chế

UBND Thành phố đã ban hành đồng bộ các Kế hoạch, Quyết định phê duyệt năm 2022: Trọng tâm công tác tư pháp trên địa bàn Thành phố; Kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) trên địa bàn Thành phố; Thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn Thành phố; Kiểm tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực trật tự xây dựng tại một số quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố; Phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố; Đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật về phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn Thành phố

Năm 2022, UBND Thành phố ban hành 02 Quyết định và 08 kế hoạch chuyên ngành; 06 Quyết định công bố danh mục TTHC; 02 Quyết định phê duyệt 197 quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC. Các quyết định công bố danh mục TTHC sau khi ban hành đều được công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

Nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách chế độ công vụ, quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo quy định pháp luật, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, UBND Thành phố ban hành: Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Thành phố và Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 thay thế Quyết định 15/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, người quản lý doanh nghiệp, cử người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã; Ban hành Đề án đẩy mạnh

phân cấp quản lý nhà nước, ủy quyền trên địa bàn thành phố Hà Nội, xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của HĐND Thành phố về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

9.2. Cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- Về rà soát, đơn giản hóa và công bố, công khai TTHC:

UBND Thành phố đã thông qua phương án đơn giản hóa: 04 TTHC thuộc Sở Xây dựng; 22 TTHC thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư; 04 TTHC thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc; ban hành 25 Quyết định công bố danh mục TTHC (lĩnh vực Giáo dục và đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Nội vụ, Công thương, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường...), trong đó công bố 03 TTHC, thay thế 54 TTHC, bãi bỏ 540 TTHC; ban hành 11 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính (lĩnh vực Tư pháp, Lao động – Thương binh và Xã hội, Công thương, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa và Thể thao, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất, Tài nguyên và Môi trường). Các Quyết định công bố danh mục TTHC sau khi ban hành, đã được công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia theo quy định. Bên cạnh các hình thức công khai nêu trên, Sở Thông tin và Truyền thông đã kết nối, tích hợp dữ liệu TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia với Cổng Giao tiếp điện tử của Hà Nội.

Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố là: 1.894 TTHC, trong đó cấp Sở, cơ quan tương đương Sở là: 1.535 thủ tục, cấp huyện là: 252 thủ tục và cấp xã là: 107 thủ tục (chưa tính 18 thủ tục lĩnh vực Thanh tra gồm khiếu nại, tố cáo, giải quyết đơn thư..).

- Về kết quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông:

100% TTHC được tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tiếp nhận hồ sơ hành chính, các yêu cầu cơ bản đối với cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa đã được các đơn vị quan tâm và thực hiện theo quy định. Một số đơn vị có cảnh quan sạch đẹp, Bộ phận một cửa khang trang, hiện đại như các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Giao thông vận tải; Xây dựng, Tài chính; một số quận, huyện: Hoàn Kiếm, Hà Đông, Thanh Oai, Quốc Oai, Thanh Xuân, Gia Lâm, Đống Đa, Tây Hồ....

- Về xây dựng quy trình giải quyết công việc nội bộ (ngoài TTHC), quy trình giải quyết TTHC liên thông

Ngày 28/3/2022, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 97/KH-UBND về rà soát, thống kê, xây dựng quy trình giải quyết công việc nội bộ (ngoài TTHC) của các cơ quan hành chính thuộc thành phố Hà Nội. Thực hiện nhiệm vụ được UBND Thành phố giao, các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố đã rà soát, đánh giá, thống kê và đề xuất các quy trình giải quyết công việc nội bộ (ngoài TTHC) theo hướng ứng dụng CNTT kết hợp với hệ thống quản lý chất lượng ISO. Tính đến nay, các cơ quan hành chính thuộc Thành phố đã phê duyệt 5859 quy trình giải quyết công việc nội bộ (ngoài TTHC), trong đó 305 quy trình giải quyết công việc nội bộ tại cấp Sở; 1.688 quy trình giải quyết công việc nội bộ tại cấp huyện; 3.755 quy trình giải quyết công việc nội bộ tại cấp xã và 111 quy trình liên thông giải quyết công việc cấp huyện.

Ngày 01/6/2022, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 1837/QĐ-UBND về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện liên thông các TTHC khi thực hiện TTHC lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp và Thuế trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để cơ quan, đơn vị phối hợp liên thông, giải quyết TTHC thông suốt, hiệu quả, rút ngắn thời gian, giảm thời gian đi lại của người dân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

9.3. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Thành phố xác định ưu tiên triển khai phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số là nhiệm vụ trọng tâm trong CCHC. UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025 (Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 14/6/2022) và Kế hoạch năm 2022 (Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 14/6/2022) triển khai nhiệm vụ Chính quyền số trong Chương trình Chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến 2030 (được phê duyệt tại Quyết định số 4098/QĐ-UBND ngày 14/9/2021). Thành phố đã triển khai một số nội dung về phát triển hạ tầng kỹ thuật, về phát triển các hệ thống nền tảng, về phát triển dữ liệu và về phát triển các ứng dụng, dịch vụ.

Đối với triển khai các nội dung, nhiệm vụ theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 16/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Đề án 06), Thành phố ban hành Kế hoạch số 161/KH-UBND, ngày 09/6/2022 về triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đến nay, 100% UBND cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố trên địa bàn Thành phố đã hoàn thành việc thành lập Ban Chỉ đạo Đề án 06 và Tổ công tác Đề án 06 để chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ; Hệ thống thông tin Một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công trực tuyến của thành phố Hà Nội (*đang triển khai trên Hệ thống thử nghiệm do VNPT triển khai*) đã kết nối và khai thác thành công dữ liệu từ CSDLQG về dân cư; đã thực hiện đồng bộ với Cổng dịch vụ công Quốc gia theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin theo quy định; Ban hành Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND Thành phố về việc phê duyệt danh mục các TTHC lựa chọn tái cấu trúc xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 tích hợp trên cổng dịch vụ công quốc gia trong năm 2022 là 928 dịch vụ công. Đang triển khai các nội dung để đảm bảo theo đúng lộ trình đến hết năm 2022 đạt 70% tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đủ điều kiện được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công Thành phố; tích hợp 25 dịch vụ công trực tuyến thiết yếu trong danh mục Đề án 06 gồm: Tổng Công ty Điện lực Thành phố, Cục Thuế Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an Thành phố, Sở Lao động -Thương binh và xã hội, Sở Tư pháp, Bảo hiểm xã hội Thành phố, Sở Giao thông vận tải.

9.4. Công tác kiểm tra CCHC

Thực hiện Kế hoạch kiểm tra CCHC và Kế hoạch kiểm tra kiểm soát TTHC của Thành phố, các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố đã xây dựng Kế hoạch kiểm tra CCHC, kiểm tra kiểm soát TTHC. Đoàn kiểm tra CCHC của Thành phố đã kiểm tra trực tiếp tại 08 quận, huyện và 13 xã, phường, thị trấn⁽¹⁸⁾; Đoàn kiểm tra kiểm soát

¹⁸ UBND quận Cầu Giấy và 02 phường (Dịch Vọng Hậu, Trung Hòa), UBND quận Hoàn Kiếm và 2 phường (Trần Hưng Đạo, Chương Dương), UBND quận Đống Đa và 01 phường (Văn Chương), UBND quận Hai Bà Trưng và

TTHC Thành phố kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC tại 11 quận, huyện và 22 đơn vị cấp xã trên địa bàn Thành phố¹⁹. Qua kiểm tra, Thành phố ghi nhận, đánh giá cao các mô hình, sáng kiến giải pháp trong CCHC và việc triển khai thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị tại các phường thuộc Quận; ghi nhận kết quả đạt được trong công tác CCHC và kiểm soát TTHC tại các cơ quan, đơn vị được kiểm tra. Kịp thời yêu cầu, đề nghị các cơ quan, đơn vị được kiểm tra khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế, thiếu sót trong công tác CCHC nhất là việc thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

II. KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP NĂM 2023

1. Nguyên tắc phân bổ biên chế

1.1. Đối với biên chế công chức

a) Nguyên tắc chung

(1) Thành phố tạm thời giữ nguyên biên chế các đơn vị, chưa thực hiện cắt giảm cơ học để các đơn vị có biên chế tuyển dụng công chức thực hiện các nhiệm vụ đáp ứng theo yêu cầu nhiệm vụ (trừ các đơn vị có nhiệm vụ phân cấp, ủy quyền).

(2) Thành phố thực hiện điều hòa biên chế công chức giữa các cơ quan, đơn vị trên cơ sở rà soát khối lượng công việc sau khi thực hiện phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ QLNN và TTHC.

b) Nguyên tắc riêng đối với từng khối

- Đối với khối sở, ngành:

+ *Điều hòa giảm tại một số cơ quan, đơn vị:* Có nhiệm vụ QLNN và TTHC được phân cấp ủy quyền từ Thành phố xuống cấp Huyện; từ cấp Sở xuống cấp Huyện có số lượng hồ sơ giải quyết nhiều trong năm.

+ *Điều hòa tăng cho một số cơ quan, đơn vị:* (1) Được giao bổ sung chức năng, nhiệm vụ; (2) Có nhiệm vụ QLNN, TTHC tăng do được Trung ương phân cấp, ủy quyền cho Thành phố hoặc Sở thực hiện; (3) Có khối lượng công việc lớn, phức tạp phát sinh theo yêu cầu thực tế.

- Đối với khối quận, huyện, thị xã:

+ *Điều hòa tăng cho một số đơn vị:* (1) Có tốc độ đô thị hóa cao, tăng dân số cơ học cao, khối lượng công việc lớn; (2) Có khối lượng giải phóng mặt bằng lớn khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4, thực hiện Đề án xây dựng huyện thành quận.

+ *Điều hòa giảm tại một số đơn vị:* (1) Đơn vị không có sự biến động lớn về dân số và khối lượng công việc; (2) Giảm tại Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị có số giao cao hơn so với định mức.

02 phường (Bạch Đằng, Lạc Trung), UBND quận Hà Đông và 01 phường (Văn Quán), UBND quận Hoàng Mai và 01 phường (Giáp Bát), UBND quận Bắc Từ Liêm và 02 phường (Đức Thắng, Cổ Nhuế 1), UBND huyện Ứng Hòa và 02 xã, thị trấn (Văn Đình, Hoà Phú).

¹⁹ UBND quận Bắc Từ Liêm và 02 phường (Phú Diễn, Minh Khai); UBND quận Cầu Giấy và 02 phường (Quan Hoa, Nghĩa Tân); UBND quận Ba Đình và 02 phường (Quán Thánh, Kim Mã); UBND huyện Đan Phượng và 02 xã, thị trấn (Đồng Tháp, Phùng); UBND huyện Mê Linh và 02 xã, thị trấn (Mê Linh, Chi Đông); UBND huyện Phú Xuyên (Phú Yên, Phúc Tiến); UBND huyện Thường Tín và 02 xã, thị trấn (Văn Bình, Thường Tín); UBND thị xã Sơn Tây và 02 xã, phường (Thanh Mỹ, Quang Trung); huyện Gia Lâm và 02 xã, thị trấn (Trâu Quỳ, Yên Viên).

1.2. Đối với biên chế viên chức

a) Khối đơn vị sự nghiệp công lập

(1) Giảm do chuyển các đơn vị sự nghiệp sang tự chủ tài chính là 145 biên chế; Giảm do chuyển biên chế viên chức sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên theo kết quả tự chủ của các đơn vị năm 2022, 2023 là 62 biên chế.

(2) Thực hiện giảm theo tỷ lệ 2% ở tất cả các đơn vị là 2178 biên chế viên chức.

b) Khối các Hội đặc thù phạm vi Thành phố và các quận, huyện, thị xã

Căn cứ Quyết định giao biên chế của Ban Tổ chức Trung ương, năm 2023, số biên chế giao các Hội đặc thù phạm vi Thành phố nằm trong tổng số biên chế của Thành phố (trước đây thực hiện giao riêng để quản lý không nằm trong tổng biên chế của Thành phố).

Tạm giao biên chế viên chức theo thực trạng công chức, viên chức hiện có tại các Hội đặc thù phạm vi Thành phố và các quận, huyện, thị xã. Từng bước thực hiện khoán kinh phí đối với các Hội theo quy định.

1.3. Đối với chỉ tiêu lao động Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và lao động hợp đồng định mức

1.3.1. Khối cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

a) Chỉ tiêu Lao động hợp đồng theo Nghị số 68/2000/NĐ-CP

- Giữ nguyên chỉ tiêu HĐLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (HĐ68) cho đến khi có chỉ đạo mới của Thủ tướng Chính phủ và chỉ tiêu ký hợp đồng làm công tác bảo vệ tại cơ quan hành chính theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ.

Lý do: Do việc giao kinh phí hoạt động (trong đó có kinh phí chi cho HĐ68) đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố thực hiện đồng thời với việc giao chỉ tiêu biên chế. Thông tư 03/2019/TT-BNV yêu cầu tách chỉ tiêu HĐ68 ra khỏi chỉ tiêu biên chế để giao khoán kinh phí hoạt động mà chưa quy định cơ sở giao khoán kinh phí. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định về Hợp đồng lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thay thế Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

b) Chỉ tiêu Lao động hợp đồng định mức

- Chấm dứt 105 chỉ tiêu HĐLĐ định mức tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Giảm 04 chỉ tiêu HĐLĐ định mức làm cô nuôi tại Trường Mầm non Linh Đàm (UBND quận Hoàng Mai) do chuyển sang tự chủ tài chính.

- Giữ nguyên chỉ tiêu HĐLĐ định mức làm cô nuôi tại các trường mầm non công lập chưa tự chủ tài chính theo Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

1.3.2. Khối các Hội đặc thù phạm vi Thành phố và các quận, huyện, thị xã

Tạm giao chỉ tiêu lao động hợp đồng định mức cho các Hội đặc thù phạm vi Thành phố và các quận, huyện, thị xã bằng số lao động hợp đồng hiện có của các đơn vị. Từng bước thực hiện khoán kinh phí theo quy định.

2. Kế hoạch biên chế năm 2023

Từ kết quả rà soát và nguyên tắc nêu trên, UBND Thành phố thực hiện phân bổ biên chế hành chính, sự nghiệp khối chính quyền như sau:

2.1. Kế hoạch biên chế cơ quan hành chính và biên chế công chức phường: 10.545 biên chế (giảm 15 biên chế so với năm 2022), gồm:

- a) *Biên chế cán bộ, công chức hành chính: 7.920 biên chế*
 - Khối Sở, ban, ngành: 3.314 biên chế (giảm 15 biên chế).
 - Khối quận, huyện, thị xã: 4.606 biên chế, trong đó:
 - + Khối các phòng, ban: 3.584 biên chế (Tăng 23 biên chế).
 - + Khối các Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị: 1.022 biên chế (Giảm 23 biên chế).
- b) *Biên chế công chức phường: 2.625 biên chế.*
- c) *Chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP:*

Giữ nguyên 1.079 chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định 68/NĐ-CP và 346 chỉ tiêu ký hợp đồng làm công tác bảo vệ theo Thông tư 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ.

(Chi tiết tại Biểu số 01)

2.2. Kế hoạch biên chế các đơn vị sự nghiệp và các Hội đặc thù phạm vi Thành phố và các quận, huyện, thị xã

- Biên chế viên chức: **113.662 biên chế.**
- Chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/NĐ-CP: **10.415 chỉ tiêu.**
- Chỉ tiêu lao động hợp đồng định mức: **8.293 chỉ tiêu.**

2.2.1. Khối các đơn vị sự nghiệp

- a) *Biên chế viên chức: 113.502 biên chế* (giảm 2.457 biên chế so với 2022), trong đó:
 - Đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ngành: 23.611 biên chế (giảm 444 biên chế).
 - Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố: 900 biên chế (giảm 117 biên chế).
 - Đơn vị sự nghiệp trực thuộc quận, huyện, thị xã: 88.991 biên chế (giảm 1.896 biên chế).

(Chi tiết tại Biểu số 02)

- b) *Chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 10.397 chỉ tiêu.*
- c) *Chỉ tiêu hợp đồng lao động định mức: 8.113 chỉ tiêu.*

2.2.2. Khối các Hội đặc thù phạm vi Thành phố và các quận, huyện, thị xã

- a) Biên chế viên chức: **160 biên chế** (Chi tiết tại Phụ lục số 03).
- b) Chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: **18 chỉ tiêu.**
- c) Chỉ tiêu hợp đồng lao động định mức: **180 chỉ tiêu.**

(Chi tiết tại Biểu số 02)

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc tổ chức, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày

18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026. Thường xuyên nắm bắt, làm tốt công tác tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý để từ đó lan tỏa tới từng cơ quan, đơn vị và trong toàn hệ thống chính trị.

2. Hoàn thiện Đề án “Đánh giá thực trạng biên chế sự nghiệp khối giáo dục của Thành phố; đề xuất các giải pháp về cơ chế chính sách, quy trình, định mức, đơn giá đào tạo, cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu; đổi mới phương thức hoạt động đơn vị sự nghiệp gắn với việc đẩy mạnh chuyển đổi số”.

3. Rà soát xây dựng đề án vị trí việc làm các Hội đặc thù, từng bước thực hiện phương án giao khoán kinh phí hoạt động đối với theo quy định.

4. Tiếp tục triển khai có hiệu quả thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội; kịp thời kiểm tra, rà soát, khắc phục các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo xin ý kiến những nội dung vượt thẩm quyền.

5. Tiếp tục rà soát tổ chức sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020, số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 và 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ.

6. Rà soát, điều chỉnh, phê duyệt đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, trên cơ sở danh mục khung vị trí việc làm được Bộ Chính trị thông qua và hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Quản lý chuyên ngành và phù hợp với thực tiễn quản lý để đề án vị trí việc làm thực sự phát huy tối đa hiệu quả.

7. Nghiên cứu bố trí nguồn kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để đảm bảo hoạt động ổn định, nâng cao thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động khi thực hiện tinh giảm biên chế.

8. Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ: Tập trung công tác đào tạo, bồi dưỡng; đổi mới công tác tuyển dụng; nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động; thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ thường xuyên và đột xuất.

9. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy nhanh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Ban Pháp chế HĐND TP;
- Các Sở: Nội vụ, KH&ĐT, Tài chính;
- VPU BTP: CVP, các PCVP, TH, NC;
- Lưu: VT.

40

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Sơn

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 425 /TTr-UBND ngày 22 / 11/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: Người

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2022			SỐ HIỆN CÓ MẶT			KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2023			TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2022			Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHD theo ND68	
	TOÀN THÀNH PHỐ	11 639	10 560	1 079	10 564	9 578	986	11 624	10 545	1 079	- 15	- 15		
I	Công chức cấp huyện trở lên	9 014	7 935	1 079	8 225	7 239	986	8 999	7 920	1 079	- 15	- 15		
1	Khối Sở, ban, ngành	4 007	3 329	678	3 640	3 025	615	3 992	3 314	678	- 15	- 15		
2	Khối UBND quận, huyện, thị xã	5 007	4 606	401	4 585	4 214	371	5 007	4 606	401				
a	Khối các phòng ban	3 903	3 561	342	3 599	3 280	319	3 926	3 584	342	23	23		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	1 104	1 045	59	986	934	52	1 081	1 022	59	- 23	- 23		
II	Khối công chức phường thực hiện theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	2 625	2 625		2 339	2 339		2 625	2 625					
A	KHỐI CÁC SỞ, NGÀNH	4 007	3 329	678	3 640	3 025	615	3 992	3 314	678	- 15	- 15		
1	Văn phòng UBND Thành phố	195	149	46	173	138	35	193	147	46	- 2	- 2		
2	Các cơ quan thuộc HĐND Thành phố	75	62	13	62	53	9	75	62	13				
3	Sở Thông tin và Truyền thông	79	69	10	64	56	8	79	69	10				
4	Sở Nội vụ	158	126	32	138	110	28	158	126	32				
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	679	578	101	619	523	96	676	575	101	- 3	- 3		
6	Sở Công Thương	138	123	15	127	117	10	137	122	15	- 1	- 1		
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	172	160	12	160	148	12	170	158	12	- 2	- 2		
8	Sở Tài chính	227	217	10	203	195	8	223	213	10	- 4	- 4		
9	Sở Xây dựng	220	200	20	201	185	16	220	200	20				
10	Sở Giao thông Vận tải	694	411	283	659	377	282	691	408	283	- 3	- 3		
11	Sở Khoa học và Công nghệ	112	99	13	83	76	7	110	97	13	- 2	- 2		
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	154	147	7	143	136	7	153	146	7	- 1	- 1		
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	141	126	15	129	115	14	141	126	15				
14	Sở Y tế	177	151	26	157	136	21	179	153	26	2	2		
15	Sở Văn hóa và Thể thao	119	107	12	116	106	10	119	107	12				

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2022			SỐ HIỆN CÓ MẶT			KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2023			TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2022			Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHD theo ND68	
16	Sở Du lịch	58	52	6	44	41	3	58	52	6				
17	Sở Tư pháp	80	73	7	73	66	7	80	73	7				
18	Sở Ngoại vụ	40	33	7	31	27	4	40	33	7				
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	182	169	13	166	157	9	183	170	13	1	1		
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	103	91	12	101	89	12	103	91	12				
21	Thanh tra Thành phố	118	112	6	111	105	6	118	112	6				
22	Ban Dân tộc	27	21	6	27	21	6	27	21	6				
23	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	59	53	6	53	48	5	59	53	6				
B	KHỐI CHÍNH QUYỀN QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	7 632	7 231	401	6 924	6 553	371	7 632	7 231	401				
I	Khối các phòng ban thuộc UBND cấp huyện	3 903	3 561	342	3 599	3 280	319	3 926	3 584	342	23	23		
II	Khối Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	1 104	1 045	59	986	934	52	1 081	1 022	59	- 23	- 23		
III	Biên chế công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	2 625	2 625		2 339	2 339		2 625	2 625					
1	UBND quận Hoàn Kiếm	454	448	6	361	355	6	450	444	6	- 4	- 4		
a	Khối các phòng ban	129	124	5	111	106	5	127	122	5	- 2	- 2		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	55	54	1	53	52	1	53	52	1	- 2	- 2		
c	Biên chế công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	270	270		197	197		270	270					
2	UBND quận Hai Bà Trưng	482	458	24	455	433	22	472	448	24	- 10	- 10		
a	Khối các phòng ban	160	139	21	143	124	19	152	131	21	- 8	- 8		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	52	49	3	44	41	3	50	47	3	- 2	- 2		
c	Biên chế công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	270	270		268	268		270	270					
3	UBND Quận Ba Đình	392	377	15	333	321	12	390	375	15	- 2	- 2		
a	Khối các phòng ban	137	124	13	116	106	10	135	122	13	- 2	- 2		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	45	43	2	42	40	2	45	43	2				
c	Biên chế công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	210	210		175	175		210	210					
4	UBND quận Đống Đa	541	518	23	482	460	22	537	514	23	- 4	- 4		
a	Khối các phòng ban	165	144	21	159	139	20	163	142	21	- 2	- 2		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2022			SỐ HIỆN CÓ MẶT			KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2023			TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2022			Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHD theo ND68	
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	61	59	2	58	56	2	59	57	2	- 2	- 2		
c	Biên chế công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	315	315		265	265		315	315					
5	UBND quận Tây Hồ	280	266	14	265	252	13	282	268	14	2	2		
a	Khối các phòng ban	123	112	11	118	108	10	125	114	11	2	2		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	37	34	3	37	34	3	37	34	3				
c	Biên chế công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	120	120		110	110		120	120					
6	UBND Quận Thanh Xuân	326	313	13	304	291	13	329	316	13	3	3		
a	Khối các phòng ban	125	114	11	119	108	11	128	117	11	3	3		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	36	34	2	33	31	2	36	34	2				
c	Biên chế công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	165	165		152	152		165	165					
7	UBND quận Cầu Giấy	280	268	12	265	253	12	281	269	12	1	1		
a	Khối các phòng ban	124	114	10	110	100	10	126	116	10	2	2		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	36	34	2	35	33	2	35	33	2	- 1	- 1		
c	Biên chế công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	120	120		120	120		120	120					
8	UBND Quận Hoàng Mai	390	378	12	362	350	12	392	380	12	2	2		
a	Khối các phòng ban	124	114	10	116	106	10	128	118	10	4	4		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	56	54	2	54	52	2	54	52	2	- 2	- 2		
c	Biên chế công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	210	210		192	192		210	210					
9	UBND Quận Long Biên	375	369	6	341	336	5	378	372	6	3	3		
a	Khối các phòng ban	119	115	4	111	108	3	122	118	4	3	3		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	46	44	2	43	41	2	46	44	2				
c	Biên chế công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	210	210		187	187		210	210					
10	UBND quận Nam Từ Liêm	316	301	15	304	289	15	319	304	15	3	3		
a	Khối các phòng ban	127	114	13	123	110	13	130	117	13	3	3		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	39	37	2	37	35	2	39	37	2				

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2022			SỐ HIỆN CÓ MẶT			KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2023			TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2022			Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHD theo ND68	
c	Biên chế công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	150	150		144	144		150	150					
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	359	347	12	321	309	12	362	350	12	3	3		
a	Khối các phòng ban	126	115	11	111	100	11	129	118	11	3	3		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	38	37	1	31	30	1	38	37	1				
c	Biên chế công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	195	195		179	179		195	195					
12	UBND quận Hà Đông	445	430	15	429	415	14	445	430	15				
a	Khối các phòng ban	139	131	8	136	129	7	139	131	8				
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	51	44	7	49	42	7	51	44	7				
c	Biên chế công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	255	255		244	244		255	255					
13	UBND huyện Thanh Trì	186	174	12	174	163	11	185	173	12	- 1	- 1		
a	Khối các phòng ban	131	121	10	122	113	9	133	123	10	2	2		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	55	53	2	52	50	2	52	50	2	- 3	- 3		
14	UBND huyện Gia Lâm	197	180	17	184	170	14	196	179	17	- 1	- 1		
a	Khối các phòng ban	138	123	15	128	115	13	139	124	15	1	1		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	59	57	2	56	55	1	57	55	2	- 2	- 2		
15	UBND huyện Đông Anh	200	193	7	185	175	10	198	191	7	- 2	- 2		
a	Khối các phòng ban	134	129	5	125	116	9	135	130	5	1	1		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	66	64	2	60	59	1	63	61	2	- 3	- 3		
16	UBND huyện Sóc Sơn	214	197	17	205	190	15	213	196	17	- 1	- 1		
a	Khối các phòng ban	148	133	15	142	128	14	149	134	15	1	1		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	66	64	2	63	62	1	64	62	2	- 2	- 2		
17	UBND Huyện Ba Vì	163	150	13	150	138	12	161	148	13	- 2	- 2		
a	Khối các phòng ban	143	131	12	136	125	11	141	129	12	- 2	- 2		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	20	19	1	14	13	1	20	19	1				
18	UBND thị xã Sơn Tây	297	286	11	248	238	10	293	282	11	- 4	- 4		
a	Khối các phòng ban	134	123	11	121	111	10	132	121	11	- 2	- 2		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2022			SỐ HIỆN CÓ MẶT			KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2023			TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2022			Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHD theo ND68	
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	28	28		21	21		26	26		- 2	- 2		
c	Biên chế công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	135	135		106	106		135	135					
19	UBND huyện Thạch Thất	142	133	9	122	114	8	143	134	9	1	1		
a	Khối các phòng ban	122	115	7	103	96	7	123	116	7	1	1		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	20	18	2	19	18	1	20	18	2				
20	UBND huyện Phúc Thọ	137	126	11	114	104	10	138	127	11	1	1		
a	Khối các phòng ban	118	108	10	101	91	10	119	109	10	1	1		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	19	18	1	13	13		19	18	1				
21	UBND huyện Đan Phượng	146	130	16	126	112	14	148	132	16	2	2		
a	Khối các phòng ban	125	111	14	113	101	12	127	113	14	2	2		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	21	19	2	13	11	2	21	19	2				
22	UBND huyện Hoài Đức	148	139	9	131	122	9	150	141	9	2	2		
a	Khối các phòng ban	122	115	7	113	106	7	124	117	7	2	2		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	26	24	2	18	16	2	26	24	2				
23	UBND huyện Quốc Oai	145	133	12	135	123	12	145	133	12				
a	Khối các phòng chuyên môn	127	115	12	121	110	11	127	115	12				
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	18	18		14	13	1	18	18					
24	UBND huyện Chương Mỹ	160	139	21	145	130	15	161	140	21	1	1		
a	Khối các phòng ban	135	116	19	127	114	13	138	119	19	3	3		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	25	23	2	18	16	2	23	21	2	- 2	- 2		
25	UBND huyện Thanh Oai	133	124	9	121	112	9	135	126	9	2	2		
a	Khối các phòng ban	115	108	7	106	99	7	117	110	7	2	2		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	18	16	2	15	13	2	18	16	2				
26	UBND huyện Thường Tín	138	129	9	128	119	9	140	131	9	2	2		
a	Khối các phòng ban	115	108	7	105	98	7	117	110	7	2	2		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	23	21	2	23	21	2	23	21	2				
27	UBND huyện Ứng Hòa	147	129	18	133	117	16	148	130	18	1	1		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2022			SỐ HIỆN CÓ MẶT			KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2023			TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2022			Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	HDLĐ theo ND68	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHD theo ND68	
a	Khối các phòng ban	124	108	16	116	101	15	125	109	16	1	1		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	23	21	2	17	16	1	23	21	2				
28	UBND huyện Phú Xuyên	139	128	11	127	116	11	140	129	11	1	1		
a	Khối các phòng ban	117	108	9	107	98	9	118	109	9	1	1		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	22	20	2	20	18	2	22	20	2				
29	UBND huyện Mỹ Đức	147	130	17	138	121	17	147	130	17				
a	Khối các phòng ban	129	114	15	122	107	15	129	114	15				
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	18	16	2	16	14	2	18	16	2				
30	UBND huyện Mê Linh	153	138	15	136	125	11	154	139	15	1	1		
a	Khối các phòng ban	128	115	13	118	107	11	129	116	13	1	1		
b	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị	25	23	2	18	18		25	23	2				

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ CÁC HỘI NĂM 2023
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Loại hình, tên đơn vị	Số được giao của năm 2022				Số có mặt				Kế hoạch năm 2023				Tăng, giảm so với năm 2022			
		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
			Biên chế viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức		Viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức		Biên chế viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức		Biên chế viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức
	TỔNG CỘNG	134 798	116 047	10 415	8 336	121 118	104 948	9 019	7 151	132 370	113 662	10 415	8 293	-2 428	-2 385		- 43
-	<i>Khối đơn vị sự nghiệp</i>	<i>134 594</i>	<i>115 959</i>	<i>10 413</i>	<i>8 222</i>	<i>120 760</i>	<i>104 788</i>	<i>9 001</i>	<i>6 971</i>	<i>132 012</i>	<i>113 502</i>	<i>10 397</i>	<i>8 113</i>	<i>-2 582</i>	<i>-2 457</i>	<i>- 16</i>	<i>- 109</i>
-	<i>Khối Hội đặc thù được giao biên chế</i>	<i>204</i>	<i>88</i>	<i>2</i>	<i>114</i>	<i>358</i>	<i>160</i>	<i>18</i>	<i>180</i>	<i>358</i>	<i>160</i>	<i>18</i>	<i>180</i>	<i>154</i>	<i>72</i>	<i>16</i>	<i>66</i>
A	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Khối Sở Ngành	27 327	24 055	3 147	125	24 062	21 149	2 788	125	26 769	23 611	3 142	16	- 558	- 444	- 5	- 109
1	Văn phòng UBND Thành phố	28	27	1		17	17			27	26	1		- 1	- 1		
2	Sở Thông tin và Truyền thông	68	65	3		64	61	3		67	64	3		- 1	- 1		
3	Sở Nội vụ	23	23			21	21			23	23						
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1 412	1 202	105	105	1 074	867	102	105	1 207	1 105	102		- 205	- 97	- 3	- 105
5	Sở Công Thương	70	62	8		66	58	8		69	61	8		- 1	- 1		
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	37	35	2		29	27	2		31	29	2		- 6	- 6		
7	Sở Tài chính	19	16	3		13	11	2		19	16	3					
8	Sở Giao thông vận tải	82	72	10		66	56	10		80	70	10		- 2	- 2		
9	Sở Khoa học và Công nghệ	75	60	15		48	37	11		75	60	15					
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2 221	1 110	1 111		1 962	891	1 071		2 195	1 083	1 112		- 26	- 27	1	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 025	10 479	526	20	9 666	9 173	473	20	10 749	10 210	523	16	- 276	- 269	- 3	- 4
12	Sở Y tế	10 852	9 686	1 166		9 863	8 879	984		10 817	9 651	1 166		- 35	- 35		
13	Sở Văn hóa và Thể thao	1 223	1 037	186		951	837	114		1 182	996	186		- 41	- 41		
14	Sở Tư pháp	89	84	5		81	76	5		87	82	5		- 2	- 2		
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	56	53	3		110	108	2		94	91	3		38	38		
16	Sở Quy hoạch Kiến trúc	27	24	3		11	10	1		27	24	3					
17	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất	20	20			20	20			20	20						
B	Khối đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố	1 172	1 017	155		1 085	972	113		1 041	900	141		- 131	- 117	- 14	

STT	Loại hình, tên đơn vị	Số được giao của năm 2022				Số có mặt				Kế hoạch năm 2023				Tăng, giảm so với năm 2022			
		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
			Biên chế viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức		Viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức		Biên chế viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức		Biên chế viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức
1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội	105	93	12		98	90	8		103	91	12		- 2	- 2		
2	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	185	100	85		162	99	63		179	94	85		- 6	- 6		
3	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	73	69	4		52	49	3		69	65	4		- 4	- 4		
4	Trường Đại học Thủ đô	328	316	12		319	307	12		315	303	12		- 13	- 13		
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	115	112	3		114	112	2		115	112	3					
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	116	104	12		104	95	9		116	104	12					
7	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	112	108	4		85	85			109	105	4		- 3	- 3		
8	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	103	89	14		99	91	8						- 103	- 89	- 14	
9	Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội	35	26	9		52	44	8		35	26	9					
C	Khối đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã	106 095	90 887	7 111	8 097	95 613	82 667	6 100	6 846	104 202	88 991	7 114	8 097	-1 893	-1 896	3	
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	1 894	1 610	174	110	1 588	1 367	146	75	1 859	1 575	174	110	- 35	- 35		
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	3 031	2 611	227	193	2 632	2 241	253	138	2 974	2 554	227	193	- 57	- 57		
3	UBND Quận Ba Đình	2 673	2 331	196	146	2 402	2 078	182	142	2 624	2 282	196	146	- 49	- 49		
4	UBND Quận Đống Đa	3 253	2 805	248	200	2 910	2 581	179	150	3 205	2 757	248	200	- 48	- 48		
5	UBND Quận Tây Hồ	1 581	1 366	99	116	1 418	1 235	90	93	1 525	1 310	99	116	- 56	- 56		
6	UBND Quận Thanh Xuân	2 434	2 102	141	191	2 030	1 923	17	90	2 389	2 057	141	191	- 45	- 45		
7	UBND Quận Cầu Giấy	2 552	2 225	140	187	2 232	2 006	138	88	2 505	2 178	140	187	- 47	- 47		
8	UBND Quận Hoàng Mai	3 541	3 087	216	238	3 060	2 660	205	195	3 475	3 021	216	238	- 66	- 66		
9	UBND Quận Long Biên	4 024	3 422	238	364	3 405	2 999	132	274	3 950	3 348	238	364	- 74	- 74		
10	UBND Quận Nam Từ Liêm	2 322	2 007	133	182	2 011	1 767	123	121	2 280	1 965	133	182	- 42	- 42		
11	UBND Quận Bắc Từ Liêm	2 784	2 421	158	205	2 443	2 116	158	169	2 733	2 370	158	205	- 51	- 51		
12	UBND Quận Hà Đông	4 818	4 158	239	421	4 285	3 811	130	344	4 722	4 062	239	421	- 96	- 96		
13	UBND Huyện Thanh Trì	4 034	3 394	294	346	3 510	2 980	272	258	3 978	3 338	294	346	- 56	- 56		
14	UBND Huyện Gia Lâm	3 893	3 332	271	290	3 483	3 004	212	267	3 823	3 262	271	290	- 70	- 70		

STT	Loại hình, tên đơn vị	Số được giao của năm 2022				Số có mặt				Kế hoạch năm 2023				Tăng, giảm so với năm 2022			
		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
			Biên chế viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức		Viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức		Biên chế viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức		Biên chế viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức
15	UBND Huyện Đông Anh	5 486	4 761	281	444	5 036	4 384	279	373	5 383	4 658	281	444	- 103	- 103		
16	UBND Huyện Sóc Sơn	5 521	4 709	400	412	5 219	4 416	402	401	5 420	4 608	400	412	- 101	- 101		
17	UBND Huyện Ba Vì	5 162	4 348	437	377	4 968	4 174	426	368	5 068	4 254	437	377	- 94	- 94		
18	UBND Thị xã Sơn Tây	2 281	1 936	172	173	1 964	1 648	162	154	2 236	1 891	172	173	- 45	- 45		
19	UBND Huyện Thạch Thất	3 660	3 161	240	259	3 210	2 928	90	192	3 592	3 093	240	259	- 68	- 68		
20	UBND Huyện Phúc Thọ	3 222	2 753	217	252	3 018	2 592	207	219	3 164	2 695	217	252	- 58	- 58		
21	UBND Huyện Đan Phượng	2 727	2 341	179	207	2 522	2 161	170	191	2 677	2 291	179	207	- 50	- 50		
22	UBND Huyện Hoài Đức	4 294	3 661	221	412	3 786	3 312	150	324	4 214	3 581	221	412	- 80	- 80		
23	UBND Huyện Quốc Oai	3 671	3 106	288	277	3 427	2 886	277	264	3 604	3 039	288	277	- 67	- 67		
24	UBND Huyện Chương Mỹ	4 901	4 221	325	355	4 338	3 909	117	312	4 849	4 166	328	355	- 52	- 55	3	
25	UBND Huyện Thanh Oai	3 337	2 885	204	248	3 161	2 705	216	240	3 275	2 823	204	248	- 62	- 62		
26	UBND Huyện Thường Tín	4 019	3 475	266	278	3 716	3 206	268	242	3 943	3 399	266	278	- 76	- 76		
27	UBND Huyện Ứng Hòa	3 533	2 998	270	265	3 196	2 670	265	261	3 469	2 934	270	265	- 64	- 64		
28	UBND Huyện Phú Xuyên	3 940	3 351	257	332	3 676	3 082	260	334	3 868	3 279	257	332	- 72	- 72		
29	UBND Huyện Mỹ Đức	3 805	3 147	365	293	3 605	2 967	361	277	3 737	3 079	365	293	- 68	- 68		
30	UBND Huyện Mê Linh	3 702	3 163	215	324	3 362	2 859	213	290	3 661	3 122	215	324	- 41	- 41		
D	Khối Hội đặc thù thuộc Thành phố được giao biên chế	204	88	2	114	358	160	18	180	358	160	18	180	154	72	16	66
I	Khối Hội đặc thù thuộc phạm vi Thành phố					160	75	16	69	160	75	16	69	160	75	16	69
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố					15	3	1	11	15	3	1	11	15	3	1	11
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố					11	9	2		11	9	2		11	9	2	
3	Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố					8	3	1	4	8	3	1	4	8	3	1	4
4	Hội Chữ thập đỏ					21	16	2	3	21	16	2	3	21	16	2	3
5	Hội Người mù					26		4	22	26		4	22	26		4	22

STT	Loại hình, tên đơn vị	Số được giao của năm 2022				Số có mặt				Kế hoạch năm 2023				Tăng, giảm so với năm 2022			
		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
			Biên chế viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức		Viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức		Biên chế viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức		Biên chế viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức
6	Hội Luật gia					4	2		2	4	2		2	4	2		2
7	Hội Nhà báo					5	3	1	1	5	3	1	1	5	3	1	1
8	Hội Đông y					23	17	2	4	23	17	2	4	23	17	2	4
9	Hội Khuyến học					1			1	1			1	1			1
10	Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố					8		2	6	8		2	6	8		2	6
11	Liên minh Hợp tác xã Thành phố					38	22	1	15	38	22	1	15	38	22	1	15
II	Khối Hội đặc thù thuộc UBND quận, huyện, thị xã	204	88	2	114	198	85	2	111	198	85	2	111	- 6	- 3		- 3
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	8	6		2	8	6		2	8	6		2				
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	7	3		4	7	3		4	7	3		4				
3	UBND Quận Ba Đình	7	2		5	6	1		5	6	1		5	- 1	- 1		
4	UBND Quận Đống Đa	8	7		1	8	7		1	8	7		1				
5	UBND Quận Tây Hồ	7	1		6	7	1		6	7	1		6				
6	UBND Quận Thanh Xuân	9	4		5	9	4		5	9	4		5				
7	UBND Quận Cầu Giấy	7			7	7			7	7			7				
8	UBND Quận Hoàng Mai	7	4		3	7	4		3	7	4		3				
9	UBND Quận Long Biên	7	3		4	7	3		4	7	3		4				
10	UBND Quận Nam Từ Liêm	7			7	7			7	7			7				
11	UBND Quận Bắc Từ Liêm	7			7	7			7	7			7				
12	UBND Quận Hà Đông	6	4		2	6	4		2	6	4		2				
13	UBND Huyện Thanh Trì	7	3		4	7	3		4	7	3		4				
14	UBND Huyện Gia Lâm	6	4		2	6	4		2	6	4		2				
15	UBND Huyện Đông Anh	8	4		4	8	4		4	8	4		4				
16	UBND Huyện Sóc Sơn	8	6		2	8	6		2	8	6		2				
17	UBND Huyện Ba Vì	8	3	2	3	8	3	2	3	8	3	2	3				
18	UBND Thị xã Sơn Tây	6	2		4	6	2		4	6	2		4				

STT	Loại hình, tên đơn vị	Số được giao của năm 2022				Số có mặt				Kế hoạch năm 2023				Tăng, giảm so với năm 2022			
		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
			Biên chế viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức		Viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức		Biên chế viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức		Biên chế viên chức	HDLĐ theo ND68	HDLĐ định mức
19	UBND Huyện Thạch Thất	6	2		4	6	2		4	6	2		4				
20	UBND Huyện Phúc Thọ	6	3		3	5	3		2	5	3		2	- 1			- 1
21	UBND Huyện Đan Phượng	6	3		3	6	3		3	6	3		3				
22	UBND Huyện Hoài Đức	6	3		3	6	3		3	6	3		3				
23	UBND Huyện Quốc Oai	6	2		4	6	2		4	6	2		4				
24	UBND Huyện Chương Mỹ	6	3		3	6	3		3	6	3		3				
25	UBND Huyện Thanh Oai	7	2		5	7	2		5	7	2		5				
26	UBND Huyện Thường Tín	6	3		3	6	3		3	6	3		3				
27	UBND Huyện Ứng Hòa	7	2		5	6	2		4	6	2		4	- 1			- 1
28	UBND Huyện Phú Xuyên	6	3		3	4	2		2	4	2		2	- 2	- 1		- 1
29	UBND Huyện Mỹ Đức	6	3		3	6	3		3	6	3		3				
30	UBND Huyện Mê Linh	6	3		3	5	2		3	5	2		3	- 1	- 1		

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

(từ ngày 05/12/2022 đến ngày 08/12/2022)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng năm 2022 của UBND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2023 và quyết định giao biên chế cho các cơ quan của Thành phố, quận, huyện, thị xã như sau:

1. Biên chế công chức hành chính và biên chế công chức phường thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị: 10.545 biên chế.
2. Biên chế viên chức tại các đơn vị sự nghiệp, các Hội đặc thù phạm vi Thành phố và các quận, huyện, thị xã: 113.662 biên chế.
3. Chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các cơ quan hành chính: 1.079 chỉ tiêu.
4. Chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội đặc thù phạm vi Thành phố và các quận, huyện, thị xã: 10.415 chỉ tiêu.
5. Chỉ tiêu lao động hợp đồng định mức tại các đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội đặc thù phạm vi Thành phố và các quận, huyện, thị xã: 8.293 chỉ tiêu.

(Kèm theo biểu số 01, 02)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp theo đúng Nghị quyết của HĐND Thành phố cùng với giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội để các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện ngay từ đầu năm. Trong năm 2023, nếu có phát sinh (tăng hoặc giảm) so với Nghị quyết HĐND về biên chế hành chính, sự nghiệp, UBND Thành phố thống nhất với Thường trực HĐND Thành phố trước khi thực hiện và báo cáo HĐND Thành phố vào kỳ họp trong năm 2023.

2. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc tổ chức, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai

đoạn 2022 - 2026. Thường xuyên nắm bắt, làm tốt công tác tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý để từ đó lan tỏa tới từng cơ quan, đơn vị và trong toàn hệ thống chính trị.

3. Hoàn thiện Đề án “Đánh giá thực trạng biên chế sự nghiệp khối giáo dục của Thành phố; đề xuất các giải pháp về cơ chế chính sách, quy trình, định mức, đơn giá đào tạo, cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu; đổi mới phương thức hoạt động đơn vị sự nghiệp gắn với việc đẩy mạnh chuyển đổi số”.

4. Rà soát xây dựng đề án vị trí việc làm các Hội đặc thù, từng bước thực hiện phương án giao khoán kinh phí hoạt động đối với theo quy định.

5. Tiếp tục triển khai có hiệu quả thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội; kịp thời kiểm tra, rà soát, khắc phục các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo xin ý kiến những nội dung vượt thẩm quyền.

6. Tiếp tục rà soát tổ chức sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020, số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 và 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ.

7. Rà soát, điều chỉnh, phê duyệt đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, trên cơ sở danh mục khung vị trí việc làm được Bộ Chính trị thông qua và hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Quản lý chuyên ngành và phù hợp với thực tiễn quản lý để đề án vị trí việc làm thực sự phát huy tối đa hiệu quả.

8. Nghiên cứu bố trí nguồn kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để đảm bảo hoạt động ổn định, nâng cao thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động khi thực hiện tinh giản biên chế.

9. Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ: Tập trung công tác đào tạo, bồi dưỡng; đổi mới công tác tuyển dụng; nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động; thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ thường xuyên và đột xuất.

10. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy nhanh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ mười thông qua ngày tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác ĐBQH, VPQH, VPCP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP, UBMTTQ TP;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐNDTP, UBND TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của HĐND Thành phố)

Đơn vị tính: Người

Đơn vị tính: Người

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2023				
		Tổng cộng	Biên chế công chức			Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)
			Tổng số	Trong đó:		
				Khối công chức cấp huyện trở lên	Khối công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	
	TOÀN THÀNH PHỐ	124 207	10 545	7 920	2 625	113 662
I	KHỐI CÁC SỞ, NGÀNH	26 925	3 314	3 314		23 611
1	Văn phòng UBND Thành phố	173	147	147		26
2	Các cơ quan thuộc HĐND Thành phố	62	62	62		
3	Sở Thông tin và Truyền thông	133	69	69		64
4	Sở Nội vụ	149	126	126		23
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1 680	575	575		1 105
6	Sở Công Thương	183	122	122		61
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	187	158	158		29
8	Sở Tài chính	229	213	213		16
9	Sở Xây dựng	200	200	200		
10	Sở Giao thông Vận tải	478	408	408		70
11	Sở Khoa học và Công nghệ	157	97	97		60
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1 229	146	146		1 083
13	Sở Giáo dục và đào tạo	10 336	126	126		10 210
14	Sở Y tế	9 804	153	153		9 651
15	Sở Văn hóa và Thể thao	1 103	107	107		996
16	Sở Du lịch	52	52	52		
17	Sở Tư pháp	155	73	73		82
18	Sở Ngoại vụ	33	33	33		
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	261	170	170		91
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	115	91	91		24
21	Thanh tra Thành phố	112	112	112		
22	Ban Dân tộc	21	21	21		
23	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	73	53	53		20
B	KHỐI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC UBND THÀNH PHỐ	900				900
1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội	91				91
2	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	94				94
3	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	65				65
4	Trường Đại học Thủ đô	303				303
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	112				112
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	104				104
7	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	105				105

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2023				
		Tổng cộng	Biên chế công chức			Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)
			Tổng số	Trong đó:		
				Khối công chức cấp huyện trở lên	Khối công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	
8	Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội	26				26
C	KHỐI CHÍNH QUYỀN QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	96 222	7 231	4 606	2 625	88 991
1	UBND quận Hoàn Kiếm	2 019	444	174	270	1 575
2	UBND quận Hai Bà Trưng	3 002	448	178	270	2 554
3	UBND Quận Ba Đình	2 657	375	165	210	2 282
4	UBND quận Đống Đa	3 271	514	199	315	2 757
5	UBND quận Tây Hồ	1 578	268	148	120	1 310
6	UBND Quận Thanh Xuân	2 373	316	151	165	2 057
7	UBND quận Cầu Giấy	2 447	269	149	120	2 178
8	UBND Quận Hoàng Mai	3 401	380	170	210	3 021
9	UBND Quận Long Biên	3 720	372	162	210	3 348
10	UBND quận Nam Từ Liêm	2 269	304	154	150	1 965
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	2 720	350	155	195	2 370
12	UBND quận Hà Đông	4 492	430	175	255	4 062
13	UBND huyện Thanh Trì	3 511	173	173		3 338
14	UBND huyện Gia Lâm	3 441	179	179		3 262
15	UBND huyện Đông Anh	4 849	191	191		4 658
16	UBND huyện Sóc Sơn	4 804	196	196		4 608
17	UBND Huyện Ba Vì	4 402	148	148		4 254
18	UBND thị xã Sơn Tây	2 173	282	147	135	1 891
19	UBND huyện Thạch Thất	3 227	134	134		3 093
20	UBND huyện Phúc Thọ	2 822	127	127		2 695
21	UBND huyện Đan Phượng	2 423	132	132		2 291
22	UBND huyện Hoài Đức	3 722	141	141		3 581
23	UBND huyện Quốc Oai	3 172	133	133		3 039
24	UBND huyện Chương Mỹ	4 306	140	140		4 166
25	UBND huyện Thanh Oai	2 949	126	126		2 823
26	UBND huyện Thường Tín	3 530	131	131		3 399
27	UBND huyện Ứng Hòa	3 064	130	130		2 934
28	UBND huyện Phú Xuyên	3 408	129	129		3 279
29	UBND huyện Mỹ Đức	3 209	130	130		3 079
30	UBND huyện Mê Linh	3 261	139	139		3 122
D	KHỐI HỘI ĐẶC THÙ ĐƯỢC GIAO BIÊN CHẾ	160				160
I	Khối Hội đặc thù thuộc phạm vi Thành phố	75				75
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	3				3
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố	9				9
3	Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	3				3
4	Hội Chữ thập đỏ	16				16

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2023				
		Tổng cộng	Biên chế công chức			Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)
			Tổng số	Trong đó:		
				Khối công chức cấp huyện trở lên	Khối công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	
5	Hội Luật gia	2				2
6	Hội Nhà báo	3				3
7	Hội Đông y	17				17
8	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	22				22
II	Khối Hội đặc thù thuộc UBND quận, huyện, thị xã	85				85
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	6				6
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	3				3
3	UBND Quận Ba Đình	1				1
4	UBND Quận Đống Đa	7				7
5	UBND Quận Tây Hồ	1				1
6	UBND Quận Thanh Xuân	4				4
7	UBND Quận Hoàng Mai	4				4
8	UBND Quận Long Biên	3				3
9	UBND Quận Hà Đông	4				4
10	UBND Huyện Thanh Trì	3				3
11	UBND Huyện Gia Lâm	4				4
12	UBND Huyện Đông Anh	4				4
13	UBND Huyện Sóc Sơn	6				6
14	UBND Huyện Ba Vì	3				3
15	UBND Thị xã Sơn Tây	2				2
16	UBND Huyện Thạch Thất	2				2
17	UBND Huyện Phúc Thọ	3				3
18	UBND Huyện Đan Phượng	3				3
19	UBND Huyện Hoài Đức	3				3
20	UBND Huyện Quốc Oai	2				2
21	UBND Huyện Chương Mỹ	3				3
22	UBND Huyện Thanh Oai	2				2
23	UBND Huyện Thường Tín	3				3
24	UBND Huyện Ứng Hòa	2				2
25	UBND Huyện Phú Xuyên	2				2
26	UBND Huyện Mỹ Đức	3				3
27	UBND Huyện Mê Linh	2				2

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH,
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC HỘI ĐẶC THÙ ĐƯỢC GIAO BIÊN CHẾ
CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của HĐND Thành phố)

Đơn vị tính: Người

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2023			
		Tổng cộng	Trong đó:		
			HĐLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP		HĐLĐ định mức (khối đơn vị sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước)
			Khối cơ quan, tổ chức hành chính	Khối đơn vị sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước	
	TOÀN THÀNH PHỐ	19 787	1 079	10 415	8 293
I	KHỐI CÁC SỞ, NGÀNH	3 836	678	3 142	16
1	Văn phòng UBND Thành phố	47	46	1	
2	Các cơ quan thuộc HĐND Thành phố	13	13		
3	Sở Thông tin và Truyền thông	13	10	3	
4	Sở Nội vụ	32	32		
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	203	101	102	
6	Sở Công Thương	23	15	8	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	14	12	2	
8	Sở Tài chính	13	10	3	
9	Sở Xây dựng	20	20		
10	Sở Giao thông Vận tải	293	283	10	
11	Sở Khoa học và Công nghệ	28	13	15	
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1 119	7	1 112	
13	Sở Giáo dục và đào tạo	554	15	523	16
14	Sở Y tế	1 192	26	1 166	
15	Sở Văn hóa và Thể thao	198	12	186	
16	Sở Du lịch	6	6		
17	Sở Tư pháp	12	7	5	
18	Sở Ngoại vụ	7	7		
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	16	13	3	
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	15	12	3	
21	Thanh tra Thành phố	6	6		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2023			
		Tổng cộng	Trong đó:		
			HĐLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP		HĐLĐ định mức (khối đơn vị sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước)
			Khối cơ quan, tổ chức hành chính	Khối đơn vị sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước	
22	Ban Dân tộc	6	6		
23	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	6	6		
B	KHỐI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC UBND THÀNH PHỐ	141		141	
1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội	12		12	
2	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	85		85	
3	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	4		4	
4	Trường Đại học Thủ đô	12		12	
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	3		3	
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	12		12	
7	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	4		4	
8	Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội	9		9	
C	KHỐI CHÍNH QUYỀN QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	15 612	401	7 114	8 097
1	UBND quận Hoàn Kiếm	290	6	174	110
2	UBND quận Hai Bà Trưng	444	24	227	193
3	UBND Quận Ba Đình	357	15	196	146
4	UBND quận Đống Đa	471	23	248	200
5	UBND quận Tây Hồ	229	14	99	116
6	UBND Quận Thanh Xuân	345	13	141	191
7	UBND quận Cầu Giấy	339	12	140	187
8	UBND Quận Hoàng Mai	466	12	216	238
9	UBND Quận Long Biên	608	6	238	364
10	UBND quận Nam Từ Liêm	330	15	133	182
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	375	12	158	205
12	UBND quận Hà Đông	675	15	239	421
13	UBND huyện Thanh Trì	652	12	294	346
14	UBND huyện Gia Lâm	578	17	271	290
15	UBND huyện Đông Anh	732	7	281	444

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2023			
		Tổng cộng	Trong đó:		
			HDLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP		HDLĐ định mức (khối đơn vị sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước)
			Khối cơ quan, tổ chức hành chính	Khối đơn vị sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước	
16	UBND huyện Sóc Sơn	829	17	400	412
17	UBND Huyện Ba Vì	827	13	437	377
18	UBND thị xã Sơn Tây	356	11	172	173
19	UBND huyện Thạch Thất	508	9	240	259
20	UBND huyện Phúc Thọ	480	11	217	252
21	UBND huyện Đan Phượng	402	16	179	207
22	UBND huyện Hoài Đức	642	9	221	412
23	UBND huyện Quốc Oai	577	12	288	277
24	UBND huyện Chương Mỹ	704	21	328	355
25	UBND huyện Thanh Oai	461	9	204	248
26	UBND huyện Thường Tín	553	9	266	278
27	UBND huyện Ứng Hòa	553	18	270	265
28	UBND huyện Phú Xuyên	600	11	257	332
29	UBND huyện Mỹ Đức	675	17	365	293
30	UBND huyện Mê Linh	554	15	215	324
D	KHỐI HỘI ĐẶC THÙ ĐƯỢC GIAO BIÊN CHẾ	198		18	180
I	Khối Hội đặc thù thuộc phạm vi Thành phố	85		16	69
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	12		1	11
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố	2		2	
3	Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	5		1	4
4	Hội Chữ thập đỏ	5		2	3
5	Hội Người mù	26		4	22
6	Hội Luật gia	2			2
7	Hội Nhà báo	2		1	1
8	Hội Đông y	6		2	4
9	Hội Khuyến học	1			1
10	Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố	8		2	6
11	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	16		1	15

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2023			
		Tổng cộng	Trong đó:		
			HĐLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP		HĐLĐ định mức (khối đơn vị sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước)
			Khối cơ quan, tổ chức hành chính	Khối đơn vị sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước	
II	Khối Hội đặc thù thuộc UBND quận, huyện, thị xã	113		2	111
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	2			2
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	4			4
3	UBND Quận Ba Đình	5			5
4	UBND Quận Đống Đa	1			1
5	UBND Quận Tây Hồ	6			6
6	UBND Quận Thanh Xuân	5			5
7	UBND Quận Cầu Giấy	7			7
8	UBND Quận Hoàng Mai	3			3
9	UBND Quận Long Biên	4			4
10	UBND Quận Nam Từ Liêm	7			7
11	UBND Quận Bắc Từ Liêm	7			7
12	UBND Quận Hà Đông	2			2
13	UBND Huyện Thanh Trì	4			4
14	UBND Huyện Gia Lâm	2			2
15	UBND Huyện Đông Anh	4			4
16	UBND Huyện Sóc Sơn	2			2
17	UBND Huyện Ba Vì	5		2	3
18	UBND Thị xã Sơn Tây	4			4
19	UBND Huyện Thạch Thất	4			4
20	UBND Huyện Phúc Thọ	2			2
21	UBND Huyện Đan Phượng	3			3
22	UBND Huyện Hoài Đức	3			3
23	UBND Huyện Quốc Oai	4			4
24	UBND Huyện Chương Mỹ	3			3
25	UBND Huyện Thanh Oai	5			5
26	UBND Huyện Thường Tín	3			3

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2023			
		Tổng cộng	Trong đó:		
			HĐLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP		HĐLĐ định mức (khối đơn vị sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước)
			Khối cơ quan, tổ chức hành chính	Khối đơn vị sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước	
27	UBND Huyện Ứng Hòa	4			4
28	UBND Huyện Phú Xuyên	2			2
29	UBND Huyện Mỹ Đức	3			3
30	UBND Huyện Mê Linh	3			3